

Số: 2409/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Phương án ứng phó thiên tai
theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tại Tờ trình số 29/TTr-BCH ngày 25/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ TW về PCTT;
- UB Quốc gia UPSCCT và TKCN;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 14-07-2021 15:36:49
+07:00

Dương Văn Lượng

PHƯƠNG ÁN

**Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 14/7/2021
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Điều 1. Mục đích

Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và các công trình trọng điểm, xung yếu. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao đến nơi tạm cư an toàn, chắc chắn, nhất là đối với các đối tượng dễ bị tổn thương như: người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai,...

Điều 2. Yêu cầu

1. Tất cả các ngành, các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

2. Người dân theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh, hướng dẫn, cảnh báo của chính quyền, cơ quan chức năng; đồng thời chủ động, nâng cao ý thức tự giác tham gia cùng chính quyền, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác phòng, tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Chương II

**CÁC LOẠI THIÊN TAI VÀ CẤP ĐỘ RỦI RO CỦA CÁC LOẠI
THIÊN TAI CÓ KHẢ NĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊA BÀN TỈNH**

Điều 3. Các loại thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh

Theo thống kê hàng năm, phân tích chuỗi số liệu quan trắc về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh thời gian qua thường xảy ra các loại hình thiên tai sau:

1. Áp thấp nhiệt đới

- Áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) thường xảy ra vào mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 11 hàng năm, ảnh hưởng đến tỉnh Thái Nguyên thường có cấp gió từ cấp 4 đến cấp 6; ảnh hưởng của ATNĐ trên địa bàn tỉnh chủ yếu gây mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt vùng thấp trũng, đô thị.

- Số đợt ATNĐ ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh trung bình: Từ 02 đến 04 đợt/năm.

- Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

2. Mưa lớn

- Mưa lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh do ảnh hưởng của hoàn lưu bão, ATNĐ, rãnh thấp, dải hội tụ nhiệt đới có trục đi qua Bắc Bộ kết hợp hội tụ gió trên cao; không khí lạnh bị nén bởi khối áp cao lục địa phía Bắc.

- Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

3. Lốc, sét, mưa đá

- Lốc, sét, mưa đá thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh. Đây là loại hình thiên tai thường gây chết người, hư hỏng nhà ở, các công trình cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi,...

- Số đợt lốc, sét, mưa đá xảy ra trên địa bàn tỉnh trung bình: lốc từ 05 đến 08 đợt/năm; sét từ 03 đến 05 đợt/năm (thường đi kèm mưa dông); mưa đá từ 01 đến 02 đợt/năm.

- Vùng bị ảnh hưởng: Trong phạm vi nhỏ trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Ngập lụt

- Ngập lụt hàng năm vẫn xảy ra trên địa bàn tỉnh, nhất là khi xảy ra các đợt mưa lớn. Tình trạng ngập lụt tại đô thị thường xuyên xảy ra với mức độ ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng.

- Vùng bị ảnh hưởng: thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, huyện Đồng Hỷ, huyện Phú Bình và thị xã Phổ Yên.

5. Lũ, lũ quét

- Do mạng lưới sông, suối nhiều với địa hình nhiều đồi núi cao, dốc nên khi mưa lớn thường tạo thành lũ, lũ quét.

- Vùng bị ảnh hưởng do lũ quét: các huyện Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ và Võ Nhai.

6. Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

- Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy thường xảy ra khi có mưa to hoặc dòng chảy mạnh. Sạt lở đất, sụt lún đất thường diễn ra ở các vùng sườn núi, sườn đồi dốc, nền đất yếu không ổn định, các tuyến đường giao thông có địa hình cao, gây sạt lở đất, cuốn trôi nhà cửa, vùi lấp đất canh tác, phá hỏng các công trình thủy lợi, giao thông ảnh hưởng tới đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

- Vùng thường bị ảnh hưởng: Trong phạm vi nhỏ trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Nắng nóng

- Nắng nóng thường xuyên xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh vào các tháng 5, 6 hàng năm với nền nhiệt độ trong ngày từ 35°C đến 40°C. Các đợt nắng nóng thường kéo dài từ 03 đến 07 ngày, cá biệt có đợt kéo dài đến 10 ngày.

- Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

8. Rét hại

- Trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh xảy ra nhiều đợt rét đậm, rét hại gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Mỗi năm thường có từ 05 đến 06 đợt rét đậm, rét hại.

- Vùng bị ảnh hưởng: Toàn tỉnh.

9. Hạn hán

- Những năm gần đây, hạn hán xuất hiện tại một số địa phương do thiếu nguồn nước mặt, xa nguồn nước tưới từ công trình thủy lợi, đặc biệt là trong các tháng đầu và cuối năm.

- Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1.

- Vùng bị ảnh hưởng: các huyện Định Hóa, Đồng Hỷ.

10. Cháy rừng do tự nhiên

- Do ảnh hưởng của hạn hán, nắng nóng nên diện tích rừng có nguy cơ dễ xảy ra cháy là rừng trồng thuần loài với các loài cây chủ yếu như keo, bạch đàn, thông và rừng tự nhiên hỗn giao giang, nứa, cây bụi, gỗ. Thời gian bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau và từ tháng 5 đến tháng 8 hàng năm.

- Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1.

- Vùng bị ảnh hưởng: Diện tích rừng được phân thành 08 vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, gồm: (1) huyện Định Hóa, (2) huyện Phú Lương, (3) huyện Đại Từ, (4) huyện Võ Nhai, (5) huyện Đồng Hỷ, (6) huyện Phú Bình, (7) thị xã Phổ Yên và thành phố Sông Công, (8) thành phố Thái Nguyên.

(các khu vực, vị trí có nguy cơ cao xảy ra thiên tai tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 4. Cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng xảy ra đối với các loại thiên tai có nguy cơ ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh

1. Đối với ATNĐ: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.

2. Đối với mưa lớn: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.

3. Đối với lốc, sét, mưa đá: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.

4. Đối với ngập lụt: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.

5. Đối với lũ, lũ quét: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.

6. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1.

7. Đối với nắng nóng: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1.

8. Đối với rét hại: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1.

9. Đối với hạn hán: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1.

10. Đối với cháy rừng do tự nhiên: cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1.

(cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương III

CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH PHÒNG, TRÁNH, ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

Điều 5. Đối với lũ, lũ quét, ngập lụt, lốc, sét, mưa đá tại cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2; ATNĐ, mưa lớn tại cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3

1. Chỉ đạo

a) Chỉ đạo chung: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

b) Chỉ đạo trực tiếp: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Phó Trưởng ban Thường trực và các Phó trưởng ban phụ trách lĩnh vực (khi được ủy quyền).

2. Chỉ huy

a) Cấp tỉnh: Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được phân công để chỉ huy địa bàn phụ trách.

b) Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Lực lượng ứng cứu, khắc phục hậu quả: Quân đội, Công an, dân quân tự vệ, y tế, thanh niên, chữ thập đỏ, các tổ chức, cá nhân tình nguyện và các lực lượng khác.

4. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô, tàu, thuyền, xuồng, xe lội nước, các loại phao tròn, áo phao cứu sinh và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

Điều 6. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại: tại cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 1

1. Chỉ huy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra.

Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Lực lượng ứng cứu, khắc phục hậu quả: Công an cấp xã, dân quân tự vệ, thanh niên, chữ thập đỏ, y tế, các tổ chức, cá nhân tình nguyện và các lực lượng khác.

3. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị: Do Nhân dân chuẩn bị, của cấp xã và tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

Điều 7. Trường hợp rủi ro thiên tai trên cấp độ 3 trở lên hoặc thiên tai có diễn biến phức tạp nguy cơ cao gây hậu quả nghiêm trọng, vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ

1. Ngoài trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh, còn phải tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định, phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, TRÁNH, ỨNG PHÓ VỚI CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI

Điều 8. Đối với ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt

1. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh cập nhật kịp thời thông tin, diễn biến, ảnh hưởng của ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt đến các sở, ban, ngành, các cấp chính quyền địa phương trong tỉnh để chủ động ứng phó với thiên tai.

2. Các địa phương chủ động sơ tán người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt các đối tượng dễ bị tổn thương.

3. Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với công trình an ninh, quốc phòng, nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, và cơ sở kinh tế; chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất.

4. Phối hợp với các lực lượng dân sự, vũ trang đóng trên địa bàn, lực lượng chi viện, hỗ trợ từ cấp trên và huy động lực lượng tại chỗ tổ chức di dời dân ở các khu vực xung yếu đến nơi tránh trú an toàn.

5. Kiểm tra công tác an toàn hồ chứa, đập dâng, nhất là các hồ chứa nước lớn như: Núi Cốc, Gò Miếu, Suối Lạnh, Bảo Linh,...; xây dựng phương án phòng chống lụt bão, bảo vệ hạ du cho từng hồ chứa sát với điều kiện thực tế tại địa phương, đồng thời đảm bảo an toàn các công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

6. Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện các biện pháp ngăn chặn người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, suối, các tuyến đường, ngầm tràn bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở cao.

7. Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

8. Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “Cứu người trước, cứu tài sản sau”, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực xảy ra ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, vùng bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

9. Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và Nhân dân tại khu vực xảy ra ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt.

10. Huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt.

11. Khôi phục sản xuất, nhanh chóng khắc phục ô nhiễm môi trường, khống chế dịch bệnh, tuyệt đối không được để dịch bệnh bùng phát, ổn định đời sống Nhân dân ngay sau khi ATNĐ, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt xảy ra.

Điều 9. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Thông báo thường xuyên và liên tục các vị trí bờ sông, suối có nguy cơ sạt lở để người dân biết, chủ động phòng, tránh và di dời; tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân di dời ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra các tuyến kè bảo vệ bờ sông, suối đã được đầu tư xây dựng để kịp thời phát hiện các vị trí xuống cấp, hư hỏng và có kế hoạch duy tu, sửa chữa đảm bảo an toàn công trình nhằm phát huy hiệu quả phòng, chống sạt lở.

3. Tăng cường kiểm tra các trường hợp xây dựng công trình trên hành lang thoát lũ sông, suối; kiên quyết xử phạt, buộc tháo dỡ, khôi phục lại nguyên trạng; tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nếu không chấp hành đối với các công trình lấn chiếm hành lang, gây cản trở dòng chảy.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện xây dựng công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, suối đúng tiến độ.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy tại địa phương.

6. Tổ chức vận động di dời và hỗ trợ Nhân dân di dời ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn; tổ chức tốt lực lượng thường xuyên chốt chặn tại các vị trí đã xảy ra sạt lở, kiên quyết không để người dân quay lại khu vực sạt lở để di dời tài sản hoặc ở lại các căn nhà có nguy cơ tiếp tục sạt lở, bảo vệ tài sản của hộ dân sau khi đã di dời.

Điều 10. Đối với lốc, sét, mưa đá

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân những bản tin dự báo, cảnh báo lốc, sét, mưa đá để chủ động phòng, tránh an toàn cho người và các tài sản khác; hạn chế tác hại của lốc, sét, mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc...

2. Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà không kiên cố và các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công.

3. Khi mưa lớn kèm theo có giông, sét, không nên đứng trú dưới gốc cây, ống khói, khu vực trống, anten truyền hình, gần các vật kim loại, không chạm tay vào các vật ẩm ướt, vật dẫn điện; tắt các thiết bị điện, không sử dụng điện thoại, không dùng dây thép phơi áo quần buộc vào cột thu lôi, cây cao; bỏ các vật dụng mang bên mình như cuốc xẻng, xẻ beng, cần câu, gậy,...

4. Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên tu sửa, chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng giông, lốc xoáy. Ở các khu vực trống trải, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể sử dụng các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có giông, lốc xoáy.

5. Công tác tổ chức khắc phục hậu quả:

Sau khi xảy ra thiệt hại do lốc, sét, mưa đá gây ra, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị để nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung một số công việc cấp thiết:

a) Khẩn trương cứu nạn, cứu hộ cho người và tài sản.

b) Chủ động tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của lốc, sét, mưa đá. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để Nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất.

c) Khẩn trương sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị gãy đổ và xử lý vệ sinh môi trường.

d) Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai.

đ) Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho Nhân dân.

Điều 11. Đối với nắng nóng, hạn hán

1. Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già khi xuất hiện hoặc có cảnh báo tình trạng nắng nóng (nhiệt độ không khí từ 35°C trở lên và độ ẩm không khí xuống dưới 65%) có thể xảy ra. Nên uống bổ sung nước, mặc quần áo rộng, thấm mồ hôi, thoát nhiệt tốt; hạn chế ra ngoài trời trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 16 giờ.

2. Thực hiện các biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn nước để đề phòng hiện tượng hạn hán kéo dài.

3. Xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân hợp lý, bố trí diện tích và cơ cấu, thời vụ gieo trồng phù hợp với năng lực nguồn nước hiện có.

4. Tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống các công trình thủy lợi để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt. Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng, chống hạn khi cần thiết.

5. Tổ chức vận hành các công trình thủy lợi, các cống lấy nước, trạm bơm nước tưới đảm bảo điều kiện vận hành tốt, cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

Điều 12. Đối với rét hại

1. Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là cho trẻ em và người già khi xuất hiện hoặc có cảnh báo tình trạng rét hại (nhiệt độ không khí trung bình ngày xuống dưới 13°C) có thể xảy ra. Tuyệt đối không sưởi ấm bằng than tổ ong.

2. Bảo đảm đủ thuốc cấp cứu, giường bệnh, chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện cấp cứu để xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu thường gặp do rét đậm, rét hại hoặc thời tiết thay đổi bất thường gây ra như các bệnh tim mạch, tăng huyết áp, đột quỵ, viêm đường hô hấp cấp, viêm đường hô hấp do các loại virus đường hô hấp gây ra do nhiệt độ giảm sâu và điều kiện chăm sóc, cách ly và dinh dưỡng kém.

3. Triển khai các biện pháp phòng, chống đói, rét cho vật nuôi như: Gia cố chuồng trại, dùng bạt dứa, tấm ni lông lớn hoặc các loại vật liệu khác để che kín chuồng trại hạn chế gió lùa trực tiếp; không cho vật nuôi ra ngoài, chăn thả tự do, đưa về nơi nuôi nhốt có kiểm soát khi nhiệt độ ngoài trời dưới 13°C ; chủ động dự trữ thức ăn đảm bảo phòng chống đói, rét cho vật nuôi; dự trữ đầy đủ thức ăn, tăng lượng thức ăn tinh, tinh bột các loại ngũ cốc,...

4. Triển khai các biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp như: Chủ động che chắn cây trồng bằng nilon tránh mưa, rét, thực hiện biện pháp phòng, chống rét theo hướng dẫn kỹ thuật của cơ quan khuyến nông; thu hoạch sớm các diện tích cây trồng đã đến kỳ thu hoạch; bón bổ sung các loại phân phù hợp để cây khỏe mạnh tăng cường khả năng chống rét...

Điều 13. Đối với cháy rừng do tự nhiên

1. Tăng cường dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; hệ thống phát hiện điểm cháy rừng.

2. Xây dựng đường băng cản lửa, kênh mương ngăn lửa, chòi quan sát phát hiện cháy rừng, tháp quan trắc lửa rừng; hệ thống biển cấm, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng.

3. Đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện phục vụ công tác chữa cháy rừng.

4. Chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm và chủ rừng phải phối hợp chặt chẽ, chủ động thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Đối với những người dân sống gần rừng, có nương rẫy cần phải có cam kết khi xử lý thực bì, báo cho kiểm lâm địa bàn và chủ rừng biết, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt phòng cháy chữa cháy.

Chương V

LỰC LƯỢNG, VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG

Điều 14. Lực lượng

Lực lượng dự kiến huy động từ các sở, ban, ngành; các huyện, thành phố, thị xã tham gia công tác ứng phó với các loại thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh đảm bảo khoảng 143.500 người. Trong đó, lực lượng quân đội, công an khoảng 33.000 người, dân quân tự vệ khoảng 17.800 người, lực lượng y tế khoảng 4.300 người,... Tùy theo tình hình diễn biến của thiên tai và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại xảy ra ở từng khu vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương theo yêu cầu (*chi tiết có Phụ lục II kèm theo*).

Điều 15. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị

Vật tư, phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động để ứng phó với tình trạng ngập úng gồm có vật tư, phương tiện, trang thiết bị tại chỗ, chi viện của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và của các huyện, thành phố, thị xã. (*chi tiết có Phụ lục III kèm theo*).

Chương VI

TRÁCH NHIỆM PHÒNG, TRÁNH, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 16. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ Phương án này rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn sát với điều kiện thực tế tại địa phương, gửi các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện; đồng thời thông tin rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân.

Điều 17. Một số nhiệm vụ phòng, tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có sản xuất nông nghiệp thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng, rét hại, phổ biến, cảnh báo tình hình thời tiết đến từng địa phương; xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân hợp lý; khuyến cáo, hướng dẫn người dân chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hướng dẫn triển khai các biện pháp phòng, chống đói, rét cho vật nuôi, bảo vệ cây trồng cho phù hợp, hiệu quả.

b) Chỉ đạo tăng cường công tác nạo vét, gia cố, duy tu sửa chữa hệ thống các công trình thủy lợi, đê điều; tổ chức vận hành, quản lý để đảm bảo đủ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phòng chống cháy rừng; chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ cấp nước phòng cháy, chữa cháy rừng khi cần thiết.

c) Thực hiện nhiệm vụ Cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; chỉ đạo Văn phòng Thường trực tổ chức trực ban theo quy định; thường xuyên nắm bắt thông tin, tình hình thời tiết, thiên tai; kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng, tránh, ứng phó hiệu quả. Đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, cơ quan tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Thực hiện nhiệm vụ Cơ quan Thường trực tìm kiếm cứu nạn của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; thường xuyên nắm bắt thông tin tình hình thời tiết, thiên tai; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố thiên tai xảy ra.

b) Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng để cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai.

c) Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai.

3. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác cát, sỏi trái phép gây sạt lở bờ sông, ảnh hưởng đến công trình phòng, chống thiên tai.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các lực lượng liên quan trong cứu hộ, cứu nạn thuộc phạm vi nhiệm vụ theo quy định; tham gia sơ tán, di dời dân khỏi những nơi nguy hiểm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu, chấp hành sơ tán, di dời, hạn chế thấp nhất các trường hợp cưỡng chế. Bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết xử lý đảm bảo giao thông thông suốt khi thiên tai xảy ra.

c) Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập cứu nạn, cứu hộ, phòng cháy, chữa cháy rừng; hướng dẫn kỹ năng để cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

b) Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường; điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và phục hồi môi trường nhằm hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

c) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác cát, sỏi trái phép gây sạt lở bờ sông, ảnh hưởng đến công trình phòng, chống thiên tai.

d) Phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã lồng ghép công tác phòng chống thiên tai vào công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các công trình, dự án.

5. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và tổ chức ứng phó, xử lý khi xảy ra sạt lở taluy các tuyến đường giao thông. Xây dựng phương án phân luồng trên các tuyến giao thông và bảo đảm an toàn giao thông khi có thiên tai xảy ra.

b) Tham gia lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra tai nạn trên sông, trên bộ do thiên tai gây ra.

6. Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ tỉnh

a) Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc dự phòng vật tư, cơ sở thuốc, phương tiện tại chỗ; chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống bệnh dịch trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra; triển khai công tác sơ cấp cứu, cứu thương, chữa trị người bị nạn do thiên tai gây ra.

b) Sở Y tế yêu cầu các cơ sở khám chữa bệnh bảo đảm việc phòng chống rét cho người bệnh đặc biệt là người già và trẻ em trong quá trình khám chữa bệnh.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo thực hiện lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình học, trong đó tập trung vào hướng dẫn các kỹ năng, biện pháp phòng, tránh, ứng phó với các loại hình thiên tai đối với giáo viên, học sinh, sinh viên.

b) Căn cứ tình hình thực tế chủ động cho học sinh nghỉ học.

8. Công ty Điện lực Thái Nguyên

a) Lập phương án cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân trong thời gian thiên tai dài ngày. Khi chịu ảnh hưởng của thiên tai, thực hiện thông báo kế hoạch cắt điện cho từng khu vực, từng tuyến đường dây, trạm biến áp theo phạm vi ảnh hưởng để người dân chủ động trong sản xuất và sinh hoạt.

b) Có phương án đảm bảo duy trì cung cấp điện cho các đối tượng ưu tiên đặc biệt như: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, các Bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, đơn vị Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các huyện, thành phố, thị xã.

c) Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, vật tư dự phòng và nhân lực để khắc phục nhanh các sự cố, hư hỏng của hệ thống lưới điện. Tổ chức kiểm tra hệ thống cung cấp điện, đặc biệt là các vị trí xung yếu có nguy cơ sạt lở gây sự cố để có biện pháp khắc phục, sửa chữa trước mùa mưa lũ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra. Phối hợp chặt chẽ trong công tác vận hành an toàn lưới điện trong mùa mưa lũ.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn, thông suốt cho mạng thông tin chung; chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh chuẩn bị dự phòng trang thiết bị thông tin chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai trong mọi tình huống thiên tai xảy ra.

b) Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thông tin, truyền thông về phòng, chống thiên tai; đặc biệt là các tin dự báo, cảnh báo thiên tai.

10. Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh

a) Thực hiện chế độ thông tin, truyền phát tin dự báo, cảnh báo, thông báo khi xảy ra thiên tai theo quy định.

b) Xây dựng kế hoạch hợp tác với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để thực hiện các chương trình chuyên đề về phòng, tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó chú trọng đến các nội dung tuyên truyền, hướng dẫn các kỹ năng phòng, tránh, ứng phó với các tình huống thiên tai.

11. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời tham mưu, đề xuất hỗ trợ nguồn kinh phí để khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

12. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản (trừ mỏ vật liệu xây dựng), an toàn về nguồn điện, đường dây tải điện và các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Có phương án đảm bảo dự trữ, điều tiết về lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, hàng hóa, vật tư thiết yếu phục vụ dân sinh; công tác bình ổn giá cả thị trường khi có thiên tai xảy ra.

13. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra các công trình xây dựng như: nhà cao tầng, xưởng, các công trường đang thi công không bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai. Cảnh báo các chủ đầu tư có công trình ngầm, chuẩn bị và thực hiện tốt nhất phương án chống ngập, sạt lở, sụt lún khi mưa lũ.

b) Chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn các khu vực khai thác, chế biến vật liệu xây dựng, tổ chức phân loại nhà, công trình theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão và có phương án đảm bảo an toàn với các nhà cao tầng, nhà chung cư đã xuống cấp.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội, đơn vị, cá nhân có liên quan

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật phổ biến kiến thức, kinh nghiệm nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai; tổ chức các đội thanh niên tình nguyện, xung kích tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả thiên tai; vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ, đóng góp tự nguyện để hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai.

b) Chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai theo trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư để chủ động tham gia ứng cứu khi có yêu cầu.

15. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Thái Nguyên

a) Xây dựng phương án phòng, chống lụt, bão các hồ chứa nước nhất là các hồ chứa nước lớn nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống hồ đập và hạ du. Tiến hành kiểm tra, đánh giá việc vận hành điều tiết hệ thống các hồ chứa thuộc phạm vi quản lý, đồng thời rà soát, lập, điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hồ theo quy định.

b) Thông báo thời gian xả lũ cụ thể đến các địa phương hạ du hồ chứa để các địa phương triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản và sản xuất.

16. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Rà soát, lập kế hoạch, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án di dời các hộ dân tại các khu vực xung yếu, nguy hiểm, trong đó tập trung tổ chức di dời trước đối với những hộ dân đang sinh sống trong khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất về nơi an toàn.

b) Thống kê các thông tin, số lượng: nhà ở, diện tích, số hộ dân, nhân khẩu, cơ sở vật chất hạ tầng và tài sản của Nhà nước và Nhân dân trong khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của thiên tai; xác định cụ thể vị trí an toàn để tổ chức di dời, sơ tán bảo vệ người và tài sản khi có thiên tai xảy ra.

c) Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực: nhân lực, vật tư, phương tiện phục vụ công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn. Thường xuyên kiểm kê, đánh giá chất lượng, bảo trì, bảo dưỡng các loại vật tư, phương tiện để sử dụng khi có yêu cầu.

d) Chủ động ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí khác theo quy định để khắc phục hậu quả, sớm ổn định sản xuất và đời sống Nhân dân.

đ) Tổ chức thực hiện tốt mạng lưới thông tin 02 chiều từ cấp huyện đến cấp xã và Nhân dân trong vùng thiên tai bằng các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức, chỉ đạo cơ quan chuyên môn bằng các hình thức nhanh chóng thông báo rộng rãi cho Nhân dân biết về tình hình, diễn biến của thời tiết, thiên tai để chủ động phòng, tránh, ứng phó kịp thời, hiệu quả.

e) Phối hợp cơ quan chuyên môn, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các phường, xã có hệ thống đê điều, công trình thủy lợi; tiến hành công tác kiểm tra bảo vệ an toàn; xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến hành lang bảo vệ đê điều, hồ đập; xây dựng phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa bão thuộc phạm vi quản lý.

f) Lập quy hoạch, xác định quỹ đất bố trí các điểm dân cư an toàn; xây dựng kế hoạch và tổ chức di chuyển các hộ dân ra khỏi khu vực nguy hiểm.

g) Tăng cường kiểm tra và có biện pháp đảm bảo an toàn đối với các công trình xây dựng. Có biện pháp cụ thể để khắc phục kịp thời các công trình bị xuống cấp, hư hỏng có thể gây ra mất an toàn trước thiên tai; đối với các công trình đang thi công, yêu cầu chủ đầu tư có phương án đảm bảo an toàn trong thi công trong mùa mưa lũ hoặc trong các tình huống bị ảnh hưởng bởi các loại hình thiên tai như lốc, sét...

h) Triển khai, vận động Nhân dân phát quang, nạo vét thông thoáng dòng chảy sông, suối, tháo dỡ, dọn dẹp những vật cản trên bờ, lòng sông, suối, hạn chế đến việc tiêu thoát nước.

i) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức, hướng dẫn các kỹ năng trong phòng, tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

j) Khẩn trương triển khai thực hiện đầy đủ nội dung các Công điện, văn bản chỉ đạo của cấp trên, báo cáo kết quả triển khai thực hiện khi được yêu cầu.

k) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai công tác ứng phó theo phương án đã phê duyệt và yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phải triển khai thực hiện; trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên.

l) Tùy thuộc vào trường hợp cấp bách, mức độ nguy hiểm có thể xảy ra Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu sơ tán, chỉ đạo các lực lượng được huy động, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia cứu hộ, cứu nạn và sơ tán người dân và tài sản theo phương án đã được phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

m) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, chốt chặn, an ninh trật tự, bảo vệ tài sản trước, trong và sau thiên tai; sẵn sàng triển khai các phương án ứng phó; đảm bảo thông tin liên lạc, kiểm soát tình hình báo cáo cấp trên kịp thời.

n) Phối hợp với các cơ quan chức năng, huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm, tổ chức khắc phục hậu quả: hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm, bố trí chỗ ở tạm cho các hộ dân mất nhà cửa hoặc bị hư hỏng nặng; chăm sóc, điều trị người bị thương, thăm hỏi, động viên các gia đình có người bị nạn; vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất và sinh hoạt.

o) Vận động, tiếp nhận và phân phối kịp thời các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại.

p) Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình thiệt hại và kết quả triển khai công tác khắc phục tại địa phương theo quy định; trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ viện, hỗ trợ.

Điều 18. Các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn phải chịu sự điều động và chấp hành nghiêm túc chỉ đạo, chỉ huy của cấp trên, cơ quan nào chủ trì thì cơ quan đó chỉ huy, điều hành, đảm bảo cơ chế chỉ huy tập trung, thống nhất trong công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra; đảm bảo quá trình xử lý sự cố thiên tai được kịp thời, nhanh chóng và an toàn.

Điều 19. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt thông tin các nội dung của phương án tới Nhân dân, cán bộ, người lao động nhằm triển khai Phương án kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản khi có thiên tai xảy ra, góp phần ổn định đời sống Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời chủ động triển khai thực hiện Phương án sát với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương./.

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP THỐNG KÊ CÁC KHU VỰC, VỊ TRÍ CÓ NGUY CƠ XẢY RA THIÊN TAI
(Kèm theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|----------|----------------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|--|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| I | Thành phố Sông Công | | | 1.115 | 4.290 | |
| 1 | Ngập lụt | TDP Bến Vượng, TDP Kè, TDP Ứng | Thắng Lợi | 70 | 286 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức |
| | | TDP Kè, TDP Ứng | Phố Cò | 20 | 82 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức |
| | | TDP 6, TDP Hương Sơn, TDP Tân Sơn, Vinh Quang 3 | Châu Sơn | 83 | 357 | Công ty TNHH Diesel Sông Công |
| | | Xóm Bình Định, Bá Vân, Tiền Tiến, Long Vân, Xuân Đăng | Bình Sơn | 42 | 168 | Nhà văn hóa và nhà kiên cố tại khu vực cao |
| 2 | Ngập úng | Bến Vượng, TDP Kè, TDP Ứng | Thắng Lợi | 70 | 286 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức |
| | | TDP Kè, TDP Ứng | Phố Cò | 110 | 450 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức |
| | | TDP 5, TDP 6, TDP Hương Sơn, TDP Tân Sơn, Vinh Quang 3 | Châu Sơn | 95 | 407 | Nhà văn hóa các xóm |
| | | Xóm Bình Định 1,2,3 xóm Bá Vân, Long Vân, Xuân Đăng | Bình Sơn | 42 | 186 | Nhà văn hóa, nhà kiên cố tại khu vực cao |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----------|------------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Xóm Chũng Na, Bãi Hát | Bá Xuyên | 24 | 78 | Nhà văn hóa các xóm |
| | | TDP La Đình | Bách Quang | 30 | 110 | Không phải di dời |
| 3 | Sạt lở, sụt lún đất | TDP Kè, TDP Ứng | Phố Cò | 5 | 20 | Không phải di dời |
| | | TDP 6 | Châu Sơn | 6 | 21 | Không phải di dời |
| | | Phú Sơn, Tân Sơn, Tiền Tiến | Bình Sơn | 11 | 45 | Không phải di dời |
| | | TDP Khu Yên | Bách Quang | - | - | Không phải di dời |
| 4 | Lũ, lũ quét | TDP 6, Hương Sơn, Vinh Quang 3 | Châu Sơn | 22 | 74 | Công ty TNHH Diesel Sông Công |
| | | Xóm Chũng Na, Bãi Hát, La Cánh, Na Chùa | Bá Xuyên | 23 | 72 | Trường tiểu học Bá Xuyên |
| | | Xóm Bình Định 1,2,3, Tân Sơn, Tiền Tiến, Khe Lim | Bình Sơn | 35 | 140 | Nhà văn hóa các xóm |
| 5 | Lốc, sét | Phạm vi nhỏ | Trên toàn địa bàn | - | - | |
| 6 | Cháy rừng | Xóm Bình Định, Na Vùng, Linh Sơn, Phú Sơn, Kim Long, Khe Lim, Lát Đá, Tân Sơn, Tiền Tiến, Bá Vân | Bình Sơn | 407 | 1.426 | |
| | | TDP Sơn Tía, Vinh Quang 1, Vinh Quang 2, Vinh Quang 3 | Châu Sơn | 20 | 82 | |
| II | Huyện Phú Lương | | | 262 hộ, 1 chợ | 1.115 | |
| 1 | Mưa lớn | | | Trên toàn địa bàn | | |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|------------|-----------------------|---|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|---|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| 2 | Ngập lụt | TDP Trần Phú, Tân Lập | Thị trấn Đu | 64 | 250 | Hội trường nhà văn hóa TK Tân Lập; Trung tâm Văn hóa huyện |
| | | Chợ Chè | Phấn Mễ | 01 chợ, 80 hộ | 350 | Trường Mầm non Phấn Mễ 1 |
| | | Yên Thủy 1, Xóm Ó, Ao Lác | Yên Lạc | 15 | 60 | |
| | | Đồng Sang | Cổ Lũng | 15 | 60 | Hội trường nhà văn hóa xóm |
| 3 | Sạt lở, sụt lún đất | Bún 1, Bún 2, Giang 2, Hoa 2, Mỹ Khánh, Bàu 1 | Phấn Mễ | 67 | 310 | Trường Mầm non Phấn Mễ 2 |
| | | Quyết Thắng, Tân Thái, Quyết Tiến, Đồng Tiến | Tức Tranh | 10 | 40 | |
| | | Yên Thủy 1, Yên Thủy 4 | Yên Lạc | 11 | 45 | Hội trường nhà văn hóa Xóm Yên Thủy 1, Yên Thủy 4 |
| 4 | Lốc sét | Ngoài Tranh | Tức Tranh | Trên toàn địa bàn | | |
| 5 | Cháy rừng | | | Trên toàn địa bàn | | |
| III | Thị xã Phổ Yên | | | 650 | 3.300 | |
| 1 | Mưa lớn | | Phúc Tân | | | |
| | | | Phúc Thuận | | | |
| 2 | Ngập lụt | Vạn Kim, Bến Chảy | Vạn Phái | 250 | 1.000 | Nhà văn hoá Trung tâm xã; Nhà văn hoá xóm; Trường học và Khu vực Núi Găng |
| | | Phú Cốc | Tân Phú | 400 | 1.600 | Nhà văn hoá Trung tâm xã; Nhà văn hoá xóm và Trường học. |
| 3 | Sạt lở đất | Tuân | Đắc Sơn | | | |
| | | Trường Giang | Vạn Phái | | | |
| | | Lò | Nam Tiến | | | |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----------|----------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Phú Cốc, Ghềnh Trai | Tân Phú | | | |
| | | Việt Cường, Soi, | Đông Cao | | | |
| | | 10 | Phúc Tân | | | |
| 4 | Lũ, lũ quét | Đập Líp, Đập Mương | Minh Đức | | | |
| | | Trần Tân Ấp, Trần Trung Năng | Phúc Thuận | | | |
| 5 | Ngập úng | Chợ Ba Hàng | Ba Hàng | | 700 | Tại chỗ |
| IV | Huyện Võ Nhai | | | 654 | 2.479 | |
| 1 | Ngập lụt | Long Thành, Đèo Ngà | Bình Long | 5 | 26 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Cây Thị, Cây Bòng, Làng Lai, Hang Hon, Xóm Phố, Làng Kèn | La Hiên | 77 | 246 | Trụ sở UBND xã và nhà văn hóa các xóm |
| | | Xuyên Sơn | Thần Sa | 6 | 26 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Đoàn Kết, Phương Bá, Thịnh Khánh, Ba Phiêng | Dân Tiến | 450 | 1.500 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Nà Pheo, Phượng Hoàng, Đồng Mỏ, Na Phải, Nà Kháo, Suối Cạn | Phú Thượng | 16 | 254 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| 2 | Sạt lở, sụt lún đất | Chíp, Quảng Phúc | Bình Long | 14 | 48 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| | | Ba Nhất, Cao Biền | Phú Thượng | 10 | 49 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| | | Tân Sơn, Bình Sơn | Cúc Đường | 5 | 20 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|-----------------------|---|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|---|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | | | | | xóm |
| | | Làng Giai | La Hiên | 7 | 25 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| | | Là Mè, Mìn, Phương Đông, Làng cũ, Làng Hang, Đồng Dong, Nà Canh | Phương Giao | 28 | 124 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| | | Làng Mười, Đồng Vôi, Đoàn Kết | Dân Tiến | 18 | 85 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| 3 | Lũ, lũ quét | Cao Biên, Ba Nhất | Phú Thượng | 6 | 25 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| | | Na Rang, Khe Rạc, Na Cà | Vũ Chấn | 4 | 13 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| | | Làng Cũ, làng Hang, Nà Canh, Xóm Cao, Đồng Dong | Phương Giao | 8 | 38 | Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xóm |
| V | Thành phố Thái Nguyên | | | 4.371 hộ, 80 cơ quan, đơn vị | 14.013 | |
| 1 | Ngập lụt | Tổ dân phố 2,4,6,9,10 | Tân Long | 120 hộ | 500 | Nhà văn hóa các tổ 1,3,5,8,9; Trường mầm non, THCS, Trường CĐ Công nghiệp Thái Nguyên |
| | | Tổ dân phố 4,5,6,10,11 | Quan Triều | 45 hộ, 3 cơ quan, đơn vị | 150 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS; trường mầm non Giấy Hoàng Văn Thụ |
| | | Tổ dân phố 2,3,5,6,8,9,10 | Quang Vinh | 215 hộ, 8 cơ quan, đơn vị | 645 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Xóm Gốc Vôi 1, 2, xóm Vải, | Cao Ngạn | 198 hộ, 6 cơ | 396 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|---------------------|---|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|--|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Cổ Rùa, Phú Lộc, Thác Lở, Tân Long, Làng Vàng, Gò Chè, Hợp Thành, Cầu Đá, Quyết Thắng | | quan, đơn vị | | THCS |
| | | Gia Bảy, Văn Thánh, Đồng Tâm, Tân Thành 1, 2, Nhị Hòa, Ao Voi | Đồng Bầm | 240 hộ, 4 cơ quan, đơn vị | 650 | Nhà văn hóa Đồng Bầm, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 18, 19, 20, 21, 22, 23 | Trung Vương | 95 hộ, 3 cơ quan, đơn vị | 289 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 1,7,9, 12,13,14 | Túc Duyên | 250 hộ, 3 cơ quan, đơn vị | 980 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Xóm Mỏ, xóm Um, xóm Nam Tiền | Phúc Hà | 150 hộ | 450 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 | Cam Giá | 398 hộ, 9 cơ quan, đơn vị | 1.193 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 5, 8, 13 | Gia Sàng | 150 hộ | 600 | Nhà văn hóa tổ 03, Trường tiểu học Gia Sàng, THCS Gia Sàng |
| | | Tổ dân phố 4,5,14,15,16 | Hương Sơn | 162 hộ | 465 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Cao Trắng, Đồng Lạnh, xóm Giữa | Phúc Xuân | 62 hộ | 183 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Phúc Tiến, Đồi Chè, Cây De, Nhà Thờ | Phúc Trìu | 89 hộ, 4 cơ quan đơn vị | 261 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Soi Vàng, Hồng Thái 2, Nam Thái, Đội Cấn, Lam Sơn, | Tân Cương | 125 hộ, 1 cơ quan, đơn vị | 374 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|---------------------|---|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|--|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Guộc, Hồng Thái 1, Tân Thái, Gò Pháo | | | | |
| | | Cương Lãng, Xóm Cường, Xóm Phú | Thịnh Đức | 90 hộ, 02 cơ quan, đơn vị | 270 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Xóm Cậy, Sộp, Hóc, Già, Gò Chè | Huống Thượng | 250 | 850 | Nhà văn hóa, Chùa Huống, Đền Rắn |
| | | Bắc Thành, Nam Thành, Gò Móc, Sơn Tiến, Xóm Mười | Quyết Thắng | 50 hộ | 257 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| 2 | Sạt lở, sụt lún đất | Tổ dân phố 2, 3, 21, 22, 23 | Gia Sàng | 50 hộ, 3 cơ quan đơn vị | 150 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 1 | Quang Trung | 20 hộ | 60 | Nhà Văn hóa, trường Tiểu học |
| | | Tổ 15 (Đội CCB), tổ 18 (Đội Tăng Xê), Tổ 7 (Đội Pháo) | Phan Đình Phùng | 32 hộ | 105 | Nhà Văn hóa tổ 15, tổ 7; trường THCS Nha Trang |
| | | Tổ 2,3, 7, 11 | Hương Sơn | 50 hộ | 150 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Đội ông Đồng khu vực tổ 12 | Đồng Quang | 15 hộ, 1 cơ quan, đơn vị | 45 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Khuôn Năm, Cây Thị, Cây Si, Cao Trắng | Phúc Xuân | 83 hộ | 256 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ 5,7,11 | Tân Lập | 15 hộ, 01 cơ quan đơn vị | 40 | Nhà văn hóa tổ 5,8; Nhà khách Kim loại màu. |
| | | Tổ 2,5,7,8 | Thịnh Đán | 20 hộ | 60 | Nhà văn hóa, trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ 12, Đội cao tổ 15 (doanh nghiệp Kim Quy) | Trung Thành | 13 hộ | 60 | Trường THPT Gang Thép; Trường Mầm non Hương Sen; Nhà văn hóa |
| | | Xóm Phúc Tiến, Đội chè | Phúc Triu | 35 hộ | 105 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|---------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|--|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | | | | | THCS |
| 3 | Lũ, lũ quét | Nhà Thờ, Phúc Thuận, Khuôn, Soi Mít | Phúc Trìu | 56 hộ, 1 cơ quan, đơn vị | 188 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | 9 xóm bị ảnh hưởng | Tân Cương | 423 hộ, 1 cơ quan, đơn vị | 1.586 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS, các đồi cao trong xóm. |
| | | 5 xóm bị ảnh hưởng | Thịnh Đức | 108 hộ, 1 cơ quan, đơn vị | 382 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Khuôn Năm, cây Si | Phúc Xuân | 35 hộ | 120 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| 4 | Ngập úng | Tổ dân phố 1,5,6,11 | Hoàng Văn Thụ | 250 hộ; 03 cơ quan, đơn vị | 500 | Nhà văn hóa tổ 3,15,16; trường tiểu học Đội Cấn; trường THCS Nguyễn Du; trường THPT Lương Ngọc Quyến |
| | | Tổ dân phố 03,04,07, 08, 10,11 | Phú Xá | 28 hộ | 132 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 1,2,3,7,9,10 | Phan Đình Phùng | 40 hộ | 120 | Nhà văn hóa tổ 2, 10 |
| | | Tổ dân phố 3,4 | Tân Thành | 30 hộ | 108 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 11,12,15 | Trung Thành | 62 hộ, 1 cơ quan, đơn vị | 198 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----------|-----------------------|--|----------------------|---|-----------------------|---|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Tổ dân phố 1,3,4,6,7,8,11,12,13 | Tân Lập | 50 hộ, 4 cơ quan nằm trong cụm công nghiệp số 2 | 150 | Nhà văn hóa tổ 1,3,4,12,13; Nhà khách Kim loại màu. |
| | | Tổ dân phố 1,2,6, 10 | Tân Thịnh | 45 hộ, 2 cơ quan, đơn vị | 120 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 1,2,4,8,9 | Thịnh Đán | 80 hộ, 8 cơ quan, đơn vị | 300 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 3,5,9,11,16 | Quang Trung | 95 hộ, 5 cơ quan, đơn vị | 284 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 2,7,8 | Đồng Quang | 50 hộ, 3 cơ quan, đơn vị | 191 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| | | Tổ dân phố 5, 9, 10 | Tích Lương | 30 hộ, 3 cơ quan, đơn vị | 90 | Nhà văn hóa, Trường tiểu học, THCS |
| VI | Huyện Định Hóa | | | 15.931 | 60.420 | |
| 1 | Mưa lớn | Bản Là, Thành Vượng, Phố, Đồn, Đồng, Cóc, Làng Nập, Đồng Đình, Bình Tiến, Quyết Tiến, Đầm Thị, Sơn Pháng, Làng Luông, Vũ Hồng, Vũ Thái | Bình Thành | 300 | 930 | Nhà văn hóa, 3 trường học, trụ sở UBND xã. |
| | | Đồng Rằm; Khau Lầu; Khau Diều; Làng Quặng; Nong Nia; Làng Vệ; Đồng Đau; Nà To; Góc Thông | Định Biên | 758 | 2.926 | Nhà Văn hóa các Thôn, Trạm y tế xã, trụ sở UBND |
| | | 10 xóm trên toàn xã | Lam Vỹ | 1.121 | 4.483 | Nhà Văn hóa, 03 trường học, Trụ |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|---------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|---|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | | | | | sở UBND xã, các điểm cao |
| | | Khuổi Chao, Liên Minh, Quế Linh, Hoa Muông, Bảo Biên | Bảo Linh | 640 | 2.521 | Nhà Văn hóa, 03 trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Bản Mới, Nà My, Linh Sơn, Bản Trang, Cốc Móc | Linh Thông | 150 | 500 | Nhà Văn hóa các xóm, trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Nà Chèn, Văn Lang, Đồng Chua, Thanh Xuân, Trung Tâm, Thanh Phong, Nguyên Bình, Bản Piềng | Thanh Định | 1.139 | 4.442 | Nhà Văn hóa, 03 trường học, Trụ sở UBND xã |
| 2 | Ngập lụt, Ngập úng | Văn La 2, Làng Cỏ, Làng Há | Lam Vỹ | 290 | 1.160 | Các Trường học, Sân Vận động, Trụ sở UBND xã |
| | | Thanh Xuân, Đồng Chua, Thanh Trung, Trung Tâm | Thanh Định | 500 | 2.500 | Các điểm cao, Trường học, Nhà văn hóa, Trụ sở UBND xã |
| | | Hợp Thành, Trung Tâm, Thống Nhất, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2 | Trung Hội | 126 | 405 | Các điểm cao, Trường học, Nhà văn hóa, Trụ sở UBND xã |
| | | Khau Điều, Làng Quặng | Định Biên | 25 | 115 | Trụ sở UBND xã, Trạm y tế xã |
| | | Đồng Uẩn | Phúc Chu | 26 | 104 | Trụ sở UBND, trạm y tế, các điểm cao |
| | | Bản Là, Thành Vượng, Phố, Đồng Coóc, Đồng Đình, Bình Tiến, Sơn Pháng, Quyết Tiến, Làng Nập, Đầm Thị, Hồng Thái, Vũ | Bình Thành | 70 | 276 | Nhà Văn hóa, 03 trường học, Trụ sở UBND xã |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|-------------------------|---|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|---|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Hồng, Đồn | | | | |
| 3 | Sạt lở đất, sụt lún đất | Thanh Xuân, Đồng Chua, Nà Chèn | Thanh Định | 270 | 700 | Nhà Văn hóa, 03 trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Trung Tâm, Hợp Thành, Làng Mố, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2 | Trung Hội | 21 | 56 | Nhà Văn hóa, 03 trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Tam Hợp, Bình Sơn | Lam Vỹ | 165 | 660 | Trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Liên Minh, Khuổi Chao, Bảo Biên | Bảo Linh | 435 | 1.985 | Trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Đồng Đình, Nà Lom, Làng Gầy | Phúc Chu | 5 | 20 | Trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Nà Chát, Bản Trang, Cốc Móc | Linh Thông | 45 | 120 | Trường học, Trụ sở UBND xã |
| | | Bản Là, Thành Vượng, Phố, Đồn, Đồng Coóc, Làng Nập, Đồng Đình, Bình Tiến, Quyết Tiến, Đàm Thị, Sơn Pháng, Làng Luông, Vũ Hồng, Hồng Thái. | Bình Thành | 145 | 548 | Trường học, Trụ sở UBND xã, các nhà văn hóa xóm |
| 4 | Lũ, lũ quét | Văn La 1, Văn La 2, Làng Cỏ, Làng Há | Lam Vỹ | 742 | 1.549 | Các điểm cao, Trạm y tế, trường học |
| | | Khuổi Chao, Hoa Muồng | Bảo Linh | 200 | 575 | Các điểm cao, Trạm y tế, trường học |
| | | Bản Mới, Nà Chát, Bản | Linh Thông | 100 | 360 | Các điểm cao, Trạm y tế, trường |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|---------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|---|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Chang, Nà Chú, Nà My, Linh Sơn, Cốc Móc, Tân Vàng, Bản Vèn | | | | học |
| | | Khau Điều | Định Biên | 12 | 58 | Các điểm cao, Trạm y tế, trường học |
| | | Bản Là, Thành Vượng, Phố, Đồn, Đồng Cốc, Làng Nập, Đồng Đình, Bình Tiến, Quyết Tiến, Đàm Thị, Sơn Pháng, Làng Luông, Vũ Hồng, Hồng Thái. | Bình Thành | 266 | 904 | Trường học, Trụ sở UBND xã, các nhà văn hóa xóm, các điểm cao |
| 5 | Lốc, sét | Đồng Rằm, Khau lầu, Khau Điều, Làng Quặng, Nong Nia, Làng Vẹ, Đồng Đau, Nà To, Góc Thông | Định Biên | 758 | 2.962 | Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa xóm |
| | | Khuổi Chao, Liên Minh, Quế Linh, Hoa, Muồng, Bảo Biên | Bảo Linh | 640 | 2.521 | Trụ sở UBND xã, Trạm y tế xã |
| | | Bản Là, Thành Vượng, Phố, Đồng Cốc, Đồng Đình, Bình Tiến, Sơn Pháng, Quyết Tiến, Làng Nập, Đàm Thị, Hồng Thái, Vũ Hồng, Đồn, Làng Luông | Bình Thành | 1.442 | 5.522 | Trụ sở UBND xã, Trạm y tế xã |
| | | Nà Chén, Văn Lang, Đồng Chua, Thanh Xuân, Trung | Thanh Định | 1.139 | 4.442 | Trụ sở UBND xã, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|---------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Tâm, Thanh Trung, Thanh Phong, Nguyên Bình, Bản Piềng. | | | | |
| 6 | Hạn hán | Nong Nĩa | Định Biên | 76 | | |
| | | 10 xóm trên toàn xã | Lam Vỹ | 1.121 | 4.483 | |
| | | Nà My, Nà Chú, Cốc móc, Bản Trang | Linh Thông | 40 | 160 | |
| | | Bản Là, Thành Vượng, Phố, Đồng Coóc, Đồng Đình, Bình Tiến, Sơn Pháng, Quyết Tiến, Làng Nập, Dâm Thị, Hồng Thái, Vũ Hồng, Đồn, Làng Luông | Bình Thành | 1.442 | 5.522 | |
| | | Nà Chèn, Văn Lang, Đồng Chua, Thanh Xuân, Trung Tâm, Thanh Trung, Thanh Phong, Nguyên Bình, Bản Piềng. | Thanh Định | 1.139 | 4.442 | |
| 7 | Rét hại | Trên toàn địa bàn huyện | | | | |
| 8 | Cháy rừng | Làng Vẹ, Khau Lầu, Khau Diều | Định Biên | 60 | 280 | |
| | | Khuổi Chao, Liên Minh, Quế Linh, Hoa, Muồng, Bảo Biên | Bảo Linh | 468 | 1.205 | |
| | | Bản Là, Đồng Cốc, Đồng | Bình Thành | 85 | 320 | |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|------------|---------------------|---|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Đình, Sơn Pháng, Quyết Tiến, Làng Nập, Hồng Thái, Đồn | | | | |
| | | Bản Piềng, Trung Tâm, Thanh Xuân, Nà Chén, Đồng Chua | Thanh Định | 280 | 700 | |
| VII | Huyện Đại Từ | | | 831 | 2.653 | |
| 1 | Lũ, lũ quét | Thậm Thịnh, Tân Lập | Cát Nê | | | |
| | | Lưu Quang 3, 4 | Minh Tiến | | | |
| | | Yên Thái, Đồng Đảng, Thái Hòa, Bãi Bằng, Suối Cái, Gốc Mít | Tân Thái | | | |
| | | 9 | Phú Xuyên | | | |
| | | Đồng Khuân, Suối Chùn, Cỏ Ròng, La Kham | Hoàng Nông | 30 | 90 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Hòa Bình 1, Chiếm 1 | Quân Chu | 35 | 105 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Chiềng, Na Mẩn | Phú Cường | 35 | 105 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Xóm 2, 3, 5, 6, 10, 12, 14 | Tân Linh | 20 | 60 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Cầu Bật, Cây Lai, Ao Soi, Cây Thỏ, Cầu Hoàn, Chính Tắc, Đàm Vuông | Na Mao | 50 | 150 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Nhất Tâm, Cỏ Rôm, Cây Vải, Cầu Tuất | Phúc Lương | 25 | 75 | Nhà văn hóa xóm |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|---------------------|--|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Xóm 8b, Khe Cua 1, xóm 9, 10, xóm Nhà Máy | TT Quân Chu | 30 | 90 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Mây, Đình 1, Giữa 1 | Văn Yên | 60 | 180 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Quéo, Mận, Lược 1, 2, Khuu 3 | Phục Linh | 60 | 180 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Mới, Quyết Thắng | Yên Lãng | 40 | 120 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Gò Thang, Cuốn Cờ, Xóm Chùa | Khôi Kỳ | 35 | 105 | Nhà văn hóa xóm |
| 2 | Sạt lở đất | Đồng Tiên, Yên Thái | Tân Thái | 25 | 88 | Nhà văn hóa xóm |
| | | 6 | Tân Linh | 6 | 21 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Chiềng | Phú Cường | 23 | 81 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Ao Soi, Cầu Bất | Na Mao | 18 | 63 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Na Đon, Cây Hồng | Phúc Lương | 62 | 217 | Nhà văn hóa xóm |
| | | 9 | TT Quân Chu | 3 | 12 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Ngò | An Khánh | 25 | 75 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Giữa 1, Dưới 1 | Văn Yên | 40 | 140 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Quéo, Cắm 3, Khuôn 1 | Phục Linh | 65 | 227 | Nhà văn hóa xóm |
| 3 | Ngập úng | Bắc Máng | Phúc Lương | 10 | 56 | Nhà văn hóa xóm |
| | | Bãi Chè, Tân Bình, Đoàn Kết, Hàng, Đạt, Đầm, Thác Vạng | An Khánh | 110 | 340 | Nhà văn hóa xóm |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Ngọc Linh | Phục Linh | 1 | 5 | Nhà văn hóa xóm |
| | | 6,7 | Hà Thượng | 23 | 68 | Nhà văn hóa xóm 6 |
| VIII | Huyện Đồng Hỷ | | | 148.980 | 563.800 | |
| 1 | Mưa lớn | Toàn huyện | | 24.700 | 93.500 | |
| | Nguy cơ ngập lụt | Tổ 7, 8 | TT Trại Cau | 50 | 200 | Nhà văn hóa tổ 7, UBND TT |
| | | Tổ 3,4,5,6 | TT Sông Cầu | 120 | 450 | Nhà văn hóa tổ 5 |
| | | Làng Mới, Ba Đình, Đồng Luông | Tân Long | 60 | 240 | UBND xã |
| | | Đồng Cầu | Hòa Bình | 30 | 100 | Chợ Hích, UBND xã |
| | Nguy cơ sụt lún | Tổ 8 | TT Trại Cau | 50 | 200 | |
| | | Kim Cương, Trại Cau | Cây Thị | 100 | 400 | |
| 2 | Ngập lụt | Na Chanh, Na Quán | Nam Hòa | 50 | 150 | |
| | | Tân Thái | Hóa Thượng | 10 | 30 | |
| 3 | Sạt lở đất | La Đùm, Vân Hán | Vân Hán | 50 | 150 | |
| | | Lân Đăm | Quang Sơn | 20 | 80 | |
| | | Vân Khánh, Mỏ Nước, Tân Sơn, Tam Va | Văn Lãng | 30 | 120 | |
| | | Mỏ Ba, Lân Quan, Làng Giếng | Tân Long | 50 | 150 | |
| | | Tổ 1,2,3,4,5,9 | TT Sông Cầu | 30 | 100 | |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----------|---------------------------|-------------------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|---|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Bãi thải Mỏ Sắt Trại Cau | TT Trại Cau | 20 | 80 | |
| 4 | Lũ, lũ quét | Đồng Luông, Làng Mới, Ba Đình | Tân Long | 20 | 60 | UBND xã |
| | | Thống Nhất, Xuân Quang | Quang Sơn | 20 | 60 | |
| 5 | Rét hại, sương muối | | Toàn huyện | 24.700 | 93.500 | |
| | Rét hại | Mỏ Ba, Làng Giếng, Hồng Phong | Tân Long | 50 | 150 | |
| | | Bản Tèn | Văn Lãng | 20 | 80 | |
| 6 | Nắng nóng | | Toàn huyện | 24.700 | 93.500 | |
| 7 | Hạn hán | | Toàn huyện | 24.700 | 93.500 | |
| 8 | Sương mù | | Toàn huyện | 24.700 | 93.500 | |
| 9 | Lốc, sét, mưa đá | | Toàn huyện | 24.700 | 93.500 | |
| IX | Huyện Phú Bình | | | 872 | 4.179 | |
| 1 | Sạt lở đất bờ tả sông Cầu | Đoàn Kết, Phú Minh | Đào Xá | 62 | 310 | Trường mầm non xã Đào Xá; nhà văn hóa Đoàn Kết, Phú Minh, 40 nhà kiên cố, cao tầng của 02 xóm |
| | | Ngược, Đại Lễ | Bảo Lý | 50 | 256 | Nhà văn hóa xóm Cô Dạ, 52 nhà kiên cố, cao tầng của các xóm: Ngược, Đại Lễ, Cô Dạ |

| STT | Loại hình thiên tai | Địa chỉ | | Số hộ, cơ quan, đơn vị bị ảnh hưởng | Số người bị ảnh hưởng | Điểm, vị trí, khu vực an toàn |
|-----|----------------------------|---|----------------------|-------------------------------------|-----------------------|--|
| | | Thôn, xóm, tổ dân phố (TDP) | Xã, phường, thị trấn | | | |
| | | Quang Trung, Thắng Lợi, Hòa Bình, Hạnh Phúc, Đoàn Kết | Xuân Phương | 56 | 330 | Trường THCS, Trường Tiểu học xã; Cụm Mầm non xã và 36 ngôi nhà kiên cố gạch xây từ 02 tầng trở lên trên địa bàn các xóm |
| | | Nghê | Nga My | 9 | 43 | 08 nhà kiên cố, cao tầng của xóm Nghê (khu dân cư bờ tả của Sông Cầu) |
| 2 | Sạt lở đất bờ hữu sông Cầu | Nón | Nhã Lộng | 48 | 240 | Nhà văn hóa xóm Nón, 26 nhà kiên cố, cao tầng của xóm Nón, Trường Tiểu học, THCS xã |
| 3 | Ngập lụt | Dinh A, Dinh B, Dinh C, Trại, Nghê, Đò, Điểm, Diệm Dương. | Nga My | 647 | 3.000 | Trường THCS, Trường Tiểu học xã; Cụm Mầm non xã và 190 ngôi nhà kiên cố gạch xây từ 02 tầng trở lên trên địa bàn các xóm |

Phụ lục II
TỔNG HỢP VỀ NGUỒN NHÂN LỰC HUY ĐỘNG
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số **2409** /QĐ-UBND ngày **14** / **7**/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Người

| TT | LỰC LƯỢNG | TỔNG | TP Thái Nguyên | Huyện Định Hóa | Huyện Võ Nhai | Huyện Phú Bình | Huyện Đại Từ | Huyện Đồng Hỷ | Huyện Phú Lương | TP Sông Công | TX Phổ Yên | cấp tỉnh |
|----|-----------------------------------|----------------|----------------------|----------------------|------------------|----------------------|-----------------|---------------------|-----------------------|--------------------|---------------|---------------|
| 1 | Quân đội | 29.393 | 180 | 45 | 30 | 349 | 110 | 277 | 30 | 34 | 420 | 27.918 |
| 3 | Công an | 4.003 | 366 | 551 | 195 | 349 | 542 | 461 | 319 | 156 | 359 | 705 |
| 4 | Y tế | 4.310 | 378 | 729 | 294 | 309 | 501 | 267 | 311 | 75 | 346 | 1.100 |
| 5 | Thanh niên tình nguyện | 6.967 | 1.577 | 722 | 850 | 309 | 1.472 | 486 | 622 | 0 | 929 | |
| 6 | Doanh nghiệp huy động | 3.833 | 2.756 | 84 | 42 | 0 | 303 | 162 | 199 | 0 | 287 | |
| 7 | Hội chữ thập đỏ | 6.831 | 1.909 | 1.368 | 177 | 309 | 1.386 | 269 | 689 | 303 | 405 | 16 |
| 8 | Dân quân tự vệ | 17.843 | 3.003 | 5.506 | 1.313 | 1.545 | 2.171 | 598 | 1.078 | 661 | 1.968 | |
| 9 | Hội phụ nữ | 19.353 | 5.100 | 3.113 | 178 | 309 | 3.529 | 2.572 | 2793 | 828 | 899 | 32 |
| 10 | Lực lượng xung kích | 8.770 | 2.021 | 908 | 174 | 1.200 | 2.130 | 353 | 570 | 0 | 1.414 | |
| 11 | Hội nông dân, đoàn thể khác | 24.159 | 5.305 | 4.478 | 534 | 429 | 4.044 | 3.479 | 3.180 | 1.086 | 1.624 | |
| 12 | Thành viên Ban chỉ huy, VPTT | 4.287 | 518 | 632 | 199 | 339 | 570 | 386 | 915 | 227 | 449 | 52 |
| 13 | Cán bộ công nhân viên chức | 8.231 | 962 | 2.728 | 1.991 | 406 | 502 | 602 | 388 | 253 | 399 | |
| 14 | Lực lượng quản lý đề chuyên trách | 11 | 3 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | |
| 15 | Lực lượng quản lý đề Nhân dân | 17 | 7 | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | |
| 16 | Lực lượng khác | 5.492 | 575 | 456 | 0 | 0 | 3.427 | 0 | 642 | 0 | 392 | |
| | TỔNG CỘNG | 143.500 | 24.660 | 21.320 | 5.977 | 5.861 | 20.687 | 9.912 | 11.736 | 3.623 | 9.901 | 29.823 |

Phụ lục III
BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG
(Kèm theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 14 / 7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

| TT | ĐỐI TƯỢNG | ĐƠN VỊ TÍNH | TỔNG | TP Thái Nguyên | Huyện Định Hóa | TP Sông Công | Huyện Võ Nhai | Huyện Đại Từ | Huyện Đồng Hỷ | Huyện Phú Lương | Huyện Phú Bình | TX Phổ Yên | Cấp tỉnh |
|----------|---------------------------------------|----------------|--------|----------------|----------------|--------------|---------------|--------------|---------------|-----------------|----------------|------------|----------|
| 1 | Vật tư | | | | | | | | | | | | |
| | - Đá hộc | m ³ | 10.988 | 1.620 | 257 | 0 | 2.350 | 2.339 | 1.711 | 95 | | 2.565 | 51 |
| | - Đá dăm, sỏi | m ³ | 9.111 | 2.640 | 33 | 0 | 2.350 | 1.844 | 1.580 | 90 | | 573,73 | |
| | - Cát | m ³ | 11.360 | 2.770 | 3.421 | 0 | 2.350 | 1.409 | 1.200 | 125 | | 85,22 | |
| | - Đất | m ³ | 65.286 | 22.230 | 23.074 | 1.000 | 0 | 3.282 | 630 | 70 | | 15.000 | |
| | - Rọ thép | cái | 3.085 | 150 | 125 | 1.000 | 1.175 | 500 | 35 | 0 | | 0 | 100 |
| | - Bao tải | chiếc | 55.370 | 7.680 | 16.069 | 8.000 | 6.670 | 2.000 | 7.870 | 1.331 | 3.000 | 2.750 | |
| | - Vải bạt | m ² | 20.332 | 6.100 | 757 | 300 | 800 | 2.260 | 3.915 | 800 | 2.000 | 3.400 | |
| | - Tôn lợp | m ² | 7.226 | 5.000 | 126 | | | 200 | 1.900 | 0 | | 0 | |
| | - Các vật tư khác | | 1.381 | 6 | 0 | | | 940 | | 200 | 235 | 0 | |
| 2 | Trang thiết bị | | | | | | | | | | | | |
| | - Nhà bạt cứu sinh | Bộ | 381 | 3 | 0 | 8 | 10 | 13 | 169 | 15 | 13 | 18 | 132 |
| | - Phao áo cứu sinh | Cái | 7.966 | 738 | 228 | 314 | 228 | 360 | 3.060 | 288 | 400 | 417 | 1.933 |
| | - Phao tròn cứu sinh | Cái | 9.575 | 771 | 409 | 285 | 565 | 574 | 3.462 | 592 | 749 | 675 | 1.493 |
| | - Máy phát điện | Cái | 46 | 10 | 0 | 2 | 1 | 17 | 8 | 1 | 1 | 0 | 6 |
| | - Áo mưa chuyên dùng | Cái | 1.851 | 98 | 397 | | 0 | 683 | 321 | | | 64 | 288 |
| | - Flycam | Cái | 1 | | 0 | | 0 | | | | | 0 | 1 |
| | - Loa cầm tay | Cái | 121 | 13 | 2 | 4 | 3 | 41 | 29 | 16 | | 0 | 13 |
| | - Dây thừng | m | 42.728 | 2.980 | 941 | 1.830 | 2.500 | 14.930 | | 700 | 18.100 | 747 | |
| | - Máy Icom | Cái | 0 | | 0 | | | | | | | | |
| | - Các trang thiết bị khác | Thiết bị | 426 | | 5 | | 21 | 400 | | | | | |
| 3 | Phương tiện | | | | | | | | | | | | |
| | - Xe cứu hộ các loại | Chiếc | 70 | | | | | 45 | | | | | 25 |
| | - Xe chữa cháy | Chiếc | 23 | | 0 | | | 2 | | | | | 21 |
| | - Tàu, thuyền cứu nạn | Chiếc | 92 | 40 | 2 | | 1 | 1 | | | | | 48 |
| | - Ca nô | Chiếc | 8 | | 2 | | | | | 3 | | 1 | 2 |
| | - Số ô tô có thể huy động | Chiếc | 2.590 | 396 | 664 | 164 | 15 | 435 | 496 | 128 | 1 | 250 | 41 |
| | + Xe 45 chỗ | Chiếc | 49 | 13 | 2 | 0 | 0 | 7 | 6 | 21 | 0 | | 0 |
| | + Xe 25-29 chỗ | Chiếc | 212 | 32 | 21 | 23 | 0 | 44 | 24 | 21 | 0 | 43 | 4 |
| | + Xe 16 chỗ | Chiếc | 250 | 74 | 30 | 11 | 5 | 31 | 18 | 15 | 0 | 62 | 4 |
| | + Xe 4-7 chỗ | Chiếc | 2.079 | 277 | 611 | 130 | 10 | 353 | 448 | 71 | 1 | 145 | 33 |
| | - Số ô tô tải có thể huy động | Chiếc | 1.346 | 187 | 346 | 51 | 20 | 486 | 152 | 46 | 0 | 48 | 10 |
| | - Số xe máy (ủi, xúc) có thể huy động | Chiếc | 351 | 42 | 111 | 14 | 75 | 72 | 0 | 13 | 0 | 24 | 0 |
| | - Xe cứu thương | Chiếc | 22 | 1 | 3 | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | 2 | 8 |